

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2019/HS-ST

Ngày: 04/4/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bò Xuân Ngọc

Ông Đàm Viết Khai

- Thư ký phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1979; Nơi sinh: Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện T, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị Đ; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức T, sinh năm 1982; Nơi sinh: Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn

Văn H và bà Vũ Thị T; Vợ: Đỗ Thị O; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Phạm Văn O, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Thôn M, xã T, huyện T, H

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1979 (Có mặt)

Trú tại: Thôn H, xã T, huyện T, H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ, ngày 12/12/2018, Nguyễn Đức T điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát chở Nguyễn Văn D đến nhà anh Phạm Văn O ở thôn M, T, T, H chơi. Khi đến nơi, anh O không có ở nhà. Tại đây, Nguyễn Văn D đã nhìn thấy 01 bình ắc quy, 01 bộ đổi nguồn tự chế để ở góc hiên nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D nói với T *“lấy bình ắc quy và bộ kích điện đi”* thì T bảo *“ừ”* rồi điều khiển xe máy đi ra cổng. Sau đó, D bê bình ắc quy và bộ kích điện lên ngồi phía sau xe của T. Lúc này, T lại nói *“hay thôi không lấy cái kiếm com của anh ý”* nhưng D ngồi sau xe nói *“cứ đi đi”*. Nguyễn Đức T điều khiển xe máy đi được một đoạn thì D bảo *“cứ đi lên mạn H, tao biết chỗ bán”*. Khi đến cửa hàng thu mua đồng nát của chị Đào Thị S, D bê bình ắc quy và bộ kích điện vào cửa hàng, D và T cùng thỏa thuận giá cả và đồng ý bán số tài sản trên là 450.000 đồng. D, T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Sau khi trộm cắp tài sản, T và D nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật nên ngày 13/12/2018, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D đã đến gặp chị S để chuộc lại số tài sản trên trả lại anh Phạm Văn O nhưng chị S đã bán bình ắc quy

cho người không biết tên tuổi, địa chỉ được 550.000 đồng còn lại bộ kích điện T, D chuộc lại với số tiền 50.000 đồng. Sau đó, T, D đã gặp một người phụ nữ mua bán đồng nát không rõ địa chỉ mua một bình ắc quy khác với giá 1.150.000 đồng rồi mang về đưa cho chị Đỗ Thị O là vợ T để trả lại anh Phạm Văn O. Khi biết T, D đã trộm cắp tài sản trên, chị O đã giao nộp cho cơ quan Công an bình ắc quy và bộ kích điện.

Ngày 13/12/2018, Nguyễn Đức T đã đến cơ quan Công an huyện T đầu thú.

Ngày 17/01/2019, Nguyễn Văn D đã đến cơ quan Công an huyện T đầu thú.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 83/KL – HĐĐG ngày 20/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự huyện T kết luận:

- 01 bình ắc quy nhãn hiệu Enimac N150 do Việt Nam sản xuất, mua mới và đưa vào sử dụng tháng 11 năm 2018 có giá trị 2.850.000 đồng.

- 01 bộ đổi nguồn tự chế nhãn hiệu Ngọc Hiếu, sản xuất tại Việt Nam, mua mới và đưa vào sử dụng từ tháng 2 năm 2018 có giá trị là 2.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản trưng cầu định giá là 4.850.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 11/CT – VKS – TT ngày 11/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Đức T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và kết luận như Cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi

phạm tội, đánh giá nhân thân, đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Đức T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Nguyễn Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù và Nguyễn Đức T từ 08 tháng đến 10 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Đức T.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Đức T phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thắc mắc, đề nghị gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra – Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện vào ngày 12/12/2018. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, bản kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ ngày 12/12/2018, Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D đã trộm cắp 01 bình ắc quy nhãn hiệu Enimac N150; 01 bộ đổi nguồn nhãn hiệu N của anh Phạm Văn O, trú tại Thôn M, T, T, H mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng trị giá tài sản bị trộm cắp là 4.850.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã khắc phục được hậu quả theo quy định tại các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của các bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Mặc dù, giá trị tài sản trộm cắp không lớn và các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng theo xác minh của Cơ quan

công an thì các bị cáo nghiện ma túy nên phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo và giáo dục các bị cáo là thỏa đáng.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Nguyễn Văn D là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Nguyễn Đức T.

Bị cáo Nguyễn Đức T có vai trò thứ yếu, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên căn cứ vào Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt là phù hợp.

5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn O đã nhận tài sản do các bị cáo mua trả, không có đề nghị gì khác về dân sự nên Tòa không xem xét.

7] Đối với chị Đào Thị S, khi mua 01 bình ắc quy, 01 bộ đồ nguồn tự chế của T và D, chị S không biết các tài sản trên do T, D trộm cắp nên Cơ quan Công an không xem xét xử lý là có căn cứ.

8] Đối với anh Nguyễn Đức T, anh T không biết Thăng lấy xe mô tô của anh Thiện để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

9]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn D 06 (*Sáu*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 17/01/2019.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Đức T 05 (*Năm*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 13/12/2018.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND huyện T
- Sở tư pháp H;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo; người bị hại; các đương sự khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Trung Hòa